



BỆNH VIỆN TỪ DŨ
KHOA DƯỢC

CẨM NANG THÔNG TIN VỀ TÁC DỤNG PHỤ CÓ THỂ GẶP PHẢI CỦA THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ TRUYỀN TĨNH MẠCH



Tháng 12/2024

LỜI MỞ ĐẦU

Hóa trị là một trong những phương pháp điều trị ung thư hiệu quả hiện nay, với mục đích tiêu diệt hoặc làm chậm sự phát triển của các tế bào ung thư. Tuy nhiên, bên cạnh khả năng tiêu diệt các tế bào ung thư, hóa trị cũng có thể gây tổn thương cho các tế bào khỏe mạnh, dẫn đến nhiều tác dụng phụ không mong muốn và ảnh hưởng tới sức khỏe cũng như chất lượng cuộc sống của người bệnh.

Mỗi loại thuốc hóa trị có thể gây ra những tác dụng phụ khác nhau, và phản ứng của từng người bệnh đối với các loại thuốc này cũng có sự khác biệt. “Cẩm nang thông tin về tác dụng phụ có thể gặp của thuốc điều trị ung thư truyền tĩnh mạch” được xây dựng nhằm cung cấp thông tin chi tiết về các triệu chứng có thể xảy ra khi sử dụng từng loại thuốc cụ thể, giúp bạn hiểu rõ hơn về những tác dụng phụ có thể gặp phải và cách quản lý chúng hiệu quả.

Biên tập

Ban biên soạn

Góp ý biên soạn

TS. DS. Huỳnh Thị Hồng Gấm

ThS. DS. Nguyễn Tấn Xuân Trang

ThS. DS. Huỳnh Phương Thảo

DS. Cao Phan Thu Hằng

DS. Trần Hoàng Yên Nhi

DS. Dương Thị Thanh Sương

BS. CKII. Bùi Văn Hoàng

BS. CKII. Bùi Thị Hồng Nhu

MỤC LỤC

1. Abevmy – 100.....	1
2. Abevmy – 400	1
3. Anzatax 30mg/5ml	2
4. Anzatax 100mg/16,7ml	2
5. Avastin 100mg/4ml.....	3
6. Avastin 400mg/16ml.....	3
7. Avegra biocad 100mg/4ml.....	4
8. Avegra biocad 400mg/16ml.....	4
9. Bestdocel 20mg/1ml	5
10. Bestdocel 80mg/4ml	5
11. Bigemax 200mg	6
12. Bigemax 1g.....	6
13. Bleomycin Bidiphar 15UI.....	7
14. Bocartin 150.....	8
15. Canpaxel 30	9
16. Canpaxel 100	9
17. Cisplatin Bidiphar 10mg/20ml.....	10
18. Cisplaton 10mg/20ml	11
19. Cisplaton 50mg/100ml.....	11
20. Cosmegen Lyovac 0,5mg.....	12
21. Chemodox 20mg/10ml.....	13
22. Daxotel 80mg/4ml	14
23. Docetaxel “Ebewe” 20mg/2ml	15
24. Docetaxel “Ebewe” 80mg/8ml	15
25. Doxorubicin Bidiphar 10	16
26. Doxorubicin Bidiphar 50	16
27. Doxorubicin "Ebewe" 2mg/ml – 5ml	17
28. Doxorubicin "Ebewe" 2mg/ml – 25ml	17
29. Endoxan 200mg	18
30. Endoxan 500mg	18
31. Etoposid Bidiphar 100mg/5ml.....	19
32. Firotex 4mg.....	20
33. Gemcitabin "Ebewe" 10mg/ml	21
34. Gemita 200mg.....	22

35. Gemita 1g	22
36. Gemnil 200mg	23
37. Holoxan 1g.....	24
38. Ifosfamid Bidiphar 1g.....	25
39. Intaxel	26
40. Kupunistin 50mg/50ml	27
41. Methotrexat Bidiphar 50mg/2ml.....	28
42. Methotrexat "Ebewe" 500mg/5ml	29
43. Mvasi 100mg/4ml	30
44. Mvasi 400mg/16ml	30
45. Naprolat	31
46. Paclitaxelum Actavis 260mg/43,33ml	32
47. Paclitaxel "Ebewe" 6mg/ml – 5ml	33
48. Paclitaxel "Ebewe" 6mg/ml – 16,7ml	33
49. Sintopozid 100mg/5ml.....	34
50. Vincran 1mg/1ml	35
Tài liệu tham khảo	36

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA BEVACIZUMAB

ABEVMY 100

ABEVMY 400

Bevacizumab

100mg/4ml – 400mg/16ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Hệ thần kinh:

Đau đầu, khó chịu, buồn ngủ, ngất.

Mắt:

Rối loạn chảy nước mắt.

Đường thở:

Chảy máu cam, viêm mũi.

Đường tiêu hóa:

Tiêu chảy, buồn nôn, nôn, viêm miệng, thay đổi vị giác, đau bụng, chảy máu đường tiêu hóa.

Da:

Viêm da tróc vảy. Da khô, đổi màu da.

Toàn thân:

Sốt, suy nhược, mệt mỏi, đau lưng

Bảo vệ làn da của bạn

Sử dụng xà phòng dịu nhẹ với làn da.

Ngăn da bị khô và ngứa : sử dụng kem dưỡng ẩm cho da, tránh các sản phẩm có chứa cồn và hương liệu, tắm bằng nước ấm, có thể chườm khăn mát lên vùng da bị khô, ngứa.

Tránh tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp : sử dụng kem chống nắng, ngăn da bị cháy nắng bằng cách mặc áo dài tay, quần dài, mũ rộng vành.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng

Giữ vệ sinh cá nhân : rửa tay trước và sau khi ăn, đi vệ sinh ; đánh răng bằng bàn chải mềm trước khi ngủ và sau khi ăn ; giữ móng tay, chân gọn gàng, sạch sẽ ; đi tiêu, tiểu dùng khăn mềm lau từ trước ra sau.

Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, nơi đông người.

Đảm bảo ăn chín uống sôi, nghỉ ngơi từ 6 – 8 tiếng/ngày.

Phòng ngừa tình trạng mệt mỏi, khó chịu

Uống nhiều nước mỗi ngày trừ khi có hướng dẫn khác của bác sĩ.

Cố gắng ăn nhiều bữa nhỏ hoặc đồ ăn nhẹ. Ăn thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua và sữa lactic để cung cấp thêm vitamin, khoáng chất, calo và protein.

Cố gắng hoạt động mỗi ngày : đi bộ ngắn, tập thể dục nhẹ nhàng, làm công việc nhà.

Luôn giữ tinh thần ổn định.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây :

+ **Nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu. Không thể uống đủ nước do nôn.**

+ **Sốt cao, ớn lạnh, đau bụng dai dẳng hoặc nghiêm trọng, táo bón nặng, ói.**

+ **Ban da nặng, lan rộng, phỏng rộp và gầy đau.**

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA PACLITAXEL

ANZATAX

Paclitaxel

30mg/5ml – 100mg/16,7ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây suy nhược

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, kém ăn

Toàn thân:

Hạ huyết áp, khó thở, sung huyết, phù, mệt mỏi toàn thân

Thần kinh:

Có các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi như bỏng rát, đau buốt, nhức nhối, khó ngủ vì mỏi chân, đau chân, mất thăng bằng, đổ mồ hôi bất thường, da khô, xanh nhạt

Da:

Rụng tóc, nóng rát hoặc tê bì, ban đỏ ngứa và sưng phồng nơi tiêm, da có thể bị bong tróc, lột da và biến màu

Cơ – xương:

Đau cơ, đau khớp

Phòng ngừa các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi:

Ngăn ngừa té ngã: nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, trải thảm trong nhà vệ sinh để tránh trơn trượt, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt.

Lưu ý các hoạt động tại nhà bếp: tránh bị bỏng, cẩn thận khi dùng dao và các vật sắc nhọn.

Chăm sóc bàn tay, bàn chân: mang giày đế mềm, thường xuyên kiểm tra cánh tay, chân và bàn chân xem có vết cắt hoặc vết trầy xước, mặc quần áo đủ ấm khi trời lạnh.

Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga được khuyến khích dùng

Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi:

Hoạt động mỗi ngày: Đi bộ ngắn, thực hiện các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý: Trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung. Ăn thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua... Uống nhiều nước, trừ khi bác sĩ có hướng dẫn khác.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón, kém ăn:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa. Ăn chậm, ăn thực phẩm dễ tiêu hóa, tránh các món ăn cay nóng, không ăn thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh những nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ: đọc, nghe nhạc, thư giãn,... nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn mà ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng rụng tóc:

Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng: sử dụng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc vì có thể làm tổn thương da đầu.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây :

+ Nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu. Không thể uống đủ nước do nôn.

+ Sốt cao, ón lạnh, đau bụng dai dẳng hoặc nghiêm trọng, táo bón nặng, ói.

+ Ban da nặng, lan rộng, phỏng rộp và gây đau.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA BEVACIZUMAB

AVASTIN

Bevacizumab

100mg/4ml – 400mg/16ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Hệ thần kinh: Loạn vị giác, đau đầu, khó chịu, buồn ngủ, ngất.	Bảo vệ làn da của bạn <i>Sử dụng xà phòng dịu nhẹ với làn da.</i> <i>Ngăn da bị khô và ngứa :</i> sử dụng kem dưỡng ẩm cho da, tránh các sản phẩm có chứa cồn và hương liệu, tắm bằng nước ấm, có thể chườm khăn mát lên vùng da bị khô, ngứa. <i>Tránh tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp :</i> sử dụng kem chống nắng, ngăn da bị cháy nắng bằng cách mặc áo dài tay, quần dài, mũ rộng vành.
Mắt: Tăng chảy nước mắt.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
Đường thở: Khó thở. Chảy máu cam, viêm mũi.	Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng <i>Giữ vệ sinh cá nhân :</i> rửa tay trước và sau khi ăn, đi vệ sinh ; đánh răng bằng bàn chải mềm trước khi ngủ và sau khi ăn ; giữ móng tay, chân gọn gàng, sạch sẽ ; đi tiêu, tiểu dùng khăn mềm lau từ trước ra sau. <i>Tránh tiếp xúc</i> người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, nơi đông người. <i>Đảm bảo ăn chín uống sôi, nghỉ ngơi từ 6 – 8 tiếng/ngày.</i>
Đường tiêu hóa: Tiêu chảy, táo bón, buồn nôn, nôn, viêm miệng, chảy máu đường tiêu hóa.	Phòng ngừa tình trạng mệt mỏi, khó chịu <i>Uống nhiều nước</i> mỗi ngày trừ khi có hướng dẫn khác của bác sĩ. <i>Cố gắng ăn nhiều bữa nhỏ hoặc đồ ăn nhẹ.</i> Ăn thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua và sữa lactic để cung cấp thêm vitamin, khoáng chất, calo và protein. <i>Cố gắng hoạt động mỗi ngày :</i> đi bộ ngắn, tập thể dục nhẹ nhàng, làm công việc nhà. <i>Luôn giữ tinh thần ổn định.</i>
Da : Viêm da tróc vảy. Da khô, đổi màu da.	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây : + <i>Nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu. Không thể uống đủ nước do nôn.</i> + <i>Sốt cao, ớn lạnh, đau bụng dai dẳng hoặc nghiêm trọng, táo bón nặng, ói.</i> + <i>Ban da nặng, lan rộng, phỏng rộp và gây đau.</i>
Toàn thân, vị trí tiêm thuốc : Sốt, suy nhược. Đau nơi tiêm.	

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA BEVACIZUMAB

AVEGRA BIOCAD

Bevacizumab

100mg/4ml – 400mg/16ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Hệ thần kinh:

Loạn vị giác, đau đầu, khó chịu, buồn ngủ, ngất.

Mắt:

Tăng chảy nước mắt.

Đường thở:

Khó thở. Chảy máu cam, viêm mũi.

Đường tiêu hóa:

Tiêu chảy, táo bón, buồn nôn, nôn, viêm miệng, chảy máu đường tiêu hóa.

Da :

Viêm da tróc vảy. Da khô, đổi màu da.

Toàn thân, vị trí tiêm thuốc :

Sốt, suy nhược. Đau nơi tiêm.

Bảo vệ làn da của bạn

Sử dụng xà phòng dịu nhẹ với làn da.

Ngăn da bị khô và ngứa : sử dụng kem dưỡng ẩm cho da, tránh các sản phẩm có chứa cồn và hương liệu, tắm bằng nước ấm, có thể chườm khăn mát lên vùng da bị khô, ngứa.

Tránh tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp : sử dụng kem chống nắng, ngăn da bị cháy nắng bằng cách mặc áo dài tay, quần dài, mũ rộng vành.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng

Giữ vệ sinh cá nhân : rửa tay trước và sau khi ăn, đi vệ sinh ; đánh răng bằng bàn chải mềm trước khi ngủ và sau khi ăn ; giữ móng tay, chân gọn gàng, sạch sẽ ; đi tiêu, tiểu dùng khăn mềm lau từ trước ra sau.

Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, nơi đông người.

Đảm bảo ăn chín uống sôi, nghỉ ngơi từ 6 – 8 tiếng/ngày.

Phòng ngừa tình trạng mệt mỏi, khó chịu

Uống nhiều nước mỗi ngày trừ khi có hướng dẫn khác của bác sĩ.

Cố gắng ăn nhiều bữa nhỏ hoặc đồ ăn nhẹ. Ăn thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua và sữa lác để cung cấp thêm vitamin, khoáng chất, calo và protein.

Cố gắng hoạt động mỗi ngày : đi bộ ngắn, tập thể dục nhẹ nhàng, làm công việc nhà.

Luôn giữ tinh thần ổn định.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây :

+ **Nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu. Không thể uống đủ nước do nôn.**

+ **Sốt cao, ớn lạnh, đau bụng dai dẳng hoặc nghiêm trọng, táo bón nặng, ói.**

+ **Ban da nặng, lan rộng, phỏng rộp và gây đau.**

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA DOCETAXEL

BESTDOCEL

Docetaxel

20mg/1ml – 80mg/4ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Đường tiêu hoá:

Viêm miệng, chán ăn, tiêu chảy, buồn nôn, nôn.

Toàn thân:

Nhiễm trùng do giảm bạch cầu, gây sốt, ớn lạnh, khó thở, đau lưng, đau cơ.

Da, tóc:

Nổi ban đỏ ở bàn tay, bàn chân, mặt hoặc ngực, có thể kèm theo ngứa, rụng tóc.

Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng:

Giữ vệ sinh các nhân rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người.

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe

Uống nhiều nước trừ khi có hướng dẫn khác.

Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng rụng tóc:

Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng: sử dụng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa, dùng dầu gội dịu nhẹ và không nên nhuộm, tẩy tóc vì hóa chất có thể gây tổn thương da đầu.

Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ ***Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao.***

+ ***Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mặt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.***

+ ***Giảm đi tiểu hoặc có máu trong nước tiểu***

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA GEMCITABIN

BIGEMAX

Gemcitabin 200mg – 1g

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, đôi khi choáng váng, nhịp tim nhanh và/ hoặc da nhợt nhạt.

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn, nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, chán ăn.

Da:

Nổi ban đỏ, ngứa.

Toàn thân:

Nhiễm khuẩn, sốt, nhức đầu, ớn lạnh, đau lưng, đau cơ, suy nhược.

Kiểm soát tình trạng thiếu máu:

Tiết kiệm năng lượng chỉ làm việc quan trọng nhất mỗi ngày, yêu cầu sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết.

Cân bằng nghỉ ngơi với hoạt động.

Ăn uống thực phẩm giàu đạm hoặc chất sắt (tham khảo ý kiến chuyên gia).

Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Chườm khăn lạnh nếu có nhức mỏi, đau cơ.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn:

Giữ vệ sinh các nhân rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người.

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe

Uống nhiều nước trừ khi có hướng dẫn khác.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ **Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao trên 38 độ.**

+ **Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mắt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.**

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA BLEOMYCIN

BLEOMYCIN BIDIPHAR

Bleomycin 15 IU/lọ

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Đường tiêu hóa:

Nôn, buồn nôn, viêm miệng, chán ăn, sút cân.

Đường thở:

Đau ngực và sốt, ho ra máu, khó thở.

Ngoài da:

Ban da, rụng tóc, đổi màu móng, da dày lên, mụn nước, da bị mềm, nổi vân.

Phản ứng dị ứng:

Huyết áp hạ, sốt, rét run, lú lẫn, thở khò khè.

Toàn thân:

Tăng thân nhiệt vào ngày tiêm, đau chỗ tiêm, khó chịu, mệt mỏi. Mất định hướng, hành vi hung hãn.

Bảo vệ làn da của bạn

Sử dụng xà phòng dịu nhẹ với làn da.

Ngăn da bị khô và ngứa: sử dụng kem dưỡng ẩm cho da, tránh các sản phẩm có chứa cồn và hương liệu, tắm bằng nước ấm, có thể chườm khăn mát lên vùng da bị khô, ngứa.

Tránh tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp: sử dụng kem chống nắng, ngăn da bị cháy nắng bằng cách mặc áo dài tay, quần dài, mũ rộng vành.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa. Ăn chậm, ăn thực phẩm dễ tiêu hoá, tránh các món ăn cay nóng, không ăn thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh những nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ: đọc, nghe nhạc, thư giãn,... nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn mà ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng rụng tóc

Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng: sử dụng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc vì có thể làm tổn thương da đầu.

Bảo vệ và chăm sóc da đầu: dùng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài.

Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.

Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng

Giữ vệ sinh cá nhân: rửa tay trước và sau khi ăn, đi vệ sinh; đánh răng bằng bàn chải mềm trước khi ngủ và sau khi ăn; giữ móng tay, chân gọn gàng, sạch sẽ; đi tiêu, tiểu dùng khăn mềm lau từ trước ra sau;...

Tránh tiếp xúc với người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, nơi đông người.

Đảm bảo ăn chín uống sôi, nghỉ ngơi từ 6 – 8 tiếng/ngày.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ Chảy máu hoặc xuất hiện vết bầm bất thường, khó cầm máu vết thương. Dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao.

+ Nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu. Không thể uống đủ nước do nôn.

+ Ban da nặng, lan rộng, phỏng rộp và gây đau.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA CARBOPLATIN

BOCARTIN 150 Carboplatin 150mg/15ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Xuất hiện các vết bầm tím, chảy máu, thiếu máu gây suy nhược, cảm giác chóng mặt, đau đầu, nhịp tim nhanh và/hoặc da nhợt nhạt.	Phòng ngừa chảy máu: <i>Giảm tổn thương gây chảy máu</i> bảo vệ da, kiểm tra mỗi ngày, dưỡng ẩm, không để khô, bong tróc, chảy máu, không đi chân trần, tránh sử dụng các dụng cụ sắc nhọn như kéo, dao hoặc kim gây chấn thương, va đập. Sử dụng đồ chải răng mềm, tránh tổn thương niêm mạc miệng. <i>Chăm sóc vết thương chảy máu hoặc bầm tím</i> ấn chặt vùng chảy máu bằng vải sạch, tiếp tục đến khi máu ngừng chảy. Chườm đá lên vùng bầm tím.
Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón.	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Toàn thân: Mệt mỏi, khó chịu, rụng tóc.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
Thần kinh: Run, yếu cơ, mất vị giác, chuột rút, co giật.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.
Ngoài da: Khó chịu, nổi mề đay, ban đỏ da, ngứa. Chỗ tiêm đỏ, phỏng, đau.	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao.</i> + <i>Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mặt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.</i> + <i>Giảm đi tiểu hoặc có máu trong nước tiểu.</i>
Tai: Giảm thính lực, ù tai.	

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA PACLITAXEL

CANPAXEL 30

CANPAXEL 100

Paclitaxel

30mg/5ml - 100mg/16,7ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Thiếu máu gây suy nhược.	Phòng ngừa các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi: Ngăn ngừa té ngã: nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, trải thảm trong nhà vệ sinh để tránh trơn trượt, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt. Lưu ý các hoạt động tại nhà bếp: tránh bị bỏng, cẩn thận khi dùng dao và các vật sắc nhọn. Chăm sóc bàn tay, bàn chân: mang giày đế mềm, thường xuyên kiểm tra cánh tay, chân và bàn chân xem có vết cắt hoặc vết trầy xước, mặc quần áo đủ ấm khi trời lạnh. Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga được khuyến khích.
Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, kém ăn.	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Toàn thân: Hạ huyết áp, khó thở, sung huyết, phù, nề đầy toàn thân.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón, kém ăn: Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.
Thần kinh: Có các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi như bỏng rát, đau buốt, nhức nhối, khó ngủ vì mỏi chân, đau chân, mất thăng bằng, đổ mồ hôi bất thường, da khô, xanh nhạt.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. Bảo vệ và chăm sóc da đầu sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.
Da: Rụng tóc, nóng rát hoặc tê bì, ban đỏ ngứa và sưng phồng nơi tiêm, da có thể bị bong tróc, lột da và biến màu.	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + Khó thở, hạ huyết áp, phù mạch, nổi nề đầy toàn thân. + Xuất hiện dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như nhiệt độ cơ thể tăng cao.
Cơ – xương: Đau cơ, đau khớp.	

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA CISPLATIN

CISPLATIN BIDIPHAR

Cisplatin 10mg/20ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải:

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Thiếu máu: mệt mỏi, khó thở, choáng váng, đau đầu, tim đập nhanh, da nhợt nhạt.	Phòng ngừa thiếu máu, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Mắt: Giảm tầm nhìn của mắt có phục hồi sau khi ngưng thuốc.	Phòng ngừa nguy cơ chảy máu: <i>Bảo vệ da tránh tổn thương</i> theo dõi các vết bầm tím trên da. Tránh sử dụng các dụng cụ sắc nhọn: dao, kéo, kim,..., tránh mặc quần áo bó sát hoặc vải thô, không đi chân trần. <i>Bảo vệ niêm mạc trong miệng</i> ăn thức ăn mềm, sử dụng kem dưỡng ẩm cho môi, đánh răng nhẹ nhàng bằng bàn chải đánh răng mềm hoặc tăm bông.
Tai: Ù tai, giảm thính lực, đau tạm thời một bên tai, có thể không được phục hồi sau khi ngừng thuốc.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
Đường tiêu hoá: Buồn nôn, nôn, tiêu chảy, chán ăn, táo bón, viêm miệng.	Giảm tình trạng châm chích ngón tay, chân: <i>Xoa bóp nhẹ nhàng ngón tay, chân</i> để lưu thông máu, kích thích thần kinh. Mang giày và tất phù hợp với kích thước chân, phòng té ngã.
Ngoài da: Nổi ban da.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> dùng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.
Thần kinh: Ngứa, châm chích tay chân, rung giật, chuột rút, co giật, mất vị giác.	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Chảy máu hoặc xuất hiện vết bầm bất thường, khó cầm máu vết thương; nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Đau đầu nặng, yếu người hoặc lú lẫn. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu.</i> + <i>Dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao, lạnh, đổ mồ hôi nhiều hoặc cảm thấy mệt mỏi hơn bình thường.</i>
Khác: Rụng tóc, nấc, đau cơ, sốt.	

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA CISPLATIN

CISPLATON

Cisplatin

10mg/20ml – 50mg/100ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Thiếu máu: mệt mỏi, khó thở, choáng váng, đau đầu, tim đập nhanh, da nhợt nhạt.	Phòng ngừa thiếu máu, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Mắt: Giảm tầm nhìn, có phục hồi sau khi ngưng thuốc.	Phòng ngừa nguy cơ chảy máu: <i>Bảo vệ da tránh tổn thương</i> theo dõi các vết bầm tím trên da. Tránh sử dụng các dụng cụ sắc nhọn: dao, kéo, kim,..., tránh mặc quần áo bó sát hoặc vải thô, không đi chân trần. <i>Bảo vệ niêm mạc trong miệng</i> ăn thức ăn mềm, sử dụng kem dưỡng ẩm cho môi, đánh răng nhẹ nhàng bằng bàn chải đánh răng mềm hoặc tăm bông.
Tai: Ù tai, giảm thính lực, đau tạm thời một bên tai, có thể không được phục hồi sau khi ngừng thuốc.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
Đường tiêu hoá: Buồn nôn, nôn, tiêu chảy, chán ăn, táo bón, viêm miệng.	Giảm tình trạng chàm chích ngón tay, chân: <i>Xoa bóp nhẹ nhàng ngón tay, chân</i> để lưu thông máu, kích thích thần kinh. Mang giày và tất phù hợp với kích thước chân, phòng té ngã. Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> dùng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.
Ngoài da: Nổi ban da.	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Chảy máu hoặc xuất hiện vết bầm bất thường, khó cầm máu vết thương; nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Đau đầu nặng, yếu người hoặc lú lẫn. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu.</i> + <i>Dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao, lạnh, đổ mồ hôi nhiều hoặc cảm thấy mệt mỏi hơn bình thường.</i>
Thần kinh: Ngứa, chàm chích tay chân, rung giật, chuột rút, co giật, mất vị giác.	
Khác: Rụng tóc, nấc, đau cơ, sốt.	

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA DACTINOMYCIN

COSMEGEN Dactinomycin 500mcg



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải:

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
<i>Da:</i> Nổi ban đỏ, ngứa. Chỗ tiêm đỏ, phỏng, đau.	<i>Kiểm soát tình trạng thiếu máu:</i> <i>Tiết kiệm năng lượng</i> chỉ làm việc quan trọng nhất mỗi ngày, yêu cầu sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết. <i>Cân bằng nghỉ ngơi với hoạt động.</i> <i>Giữ thái độ lạc quan, tinh thần ổn định.</i>
<i>Toàn thân:</i> Nhiễm trùng, sốt, nhức đầu, ớn lạnh, đau lưng, đau cơ, có thể cảm thấy ngứa ran ở bàn tay, bàn chân, rụng tóc.	<i>Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:</i> <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác. <i>Chườm khăn lạnh</i> nếu có nhức mỏi, đau cơ.
<i>Mắt:</i> Giảm thị lực, mắt mờ.	<i>Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón:</i> <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
<i>Máu:</i> Thiếu máu gây mệt mỏi.	<i>Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng:</i> <i>Giữ vệ sinh các nhân</i> rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người. <i>Kiểm tra nhiệt độ cơ thể</i> khi cảm thấy không khỏe <i>Uống nhiều nước</i> trừ khi có hướng dẫn khác.
<i>Đường tiêu hóa:</i> Khó nuốt, sưng họng, chán ăn, đau dạ dày, tiêu chảy, táo bón.	<i>Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:</i> + <i>Cảm giác ớn lạnh đột ngột, run rẩy, tiêu chảy.</i> + <i>Nổi mẩn ngứa (phát ban) có thể có bong tróc da nghiêm trọng.</i> + <i>Sưng lưỡi hoặc sưng mặt, có thể kèm theo sốt, ớn lạnh.</i> + <i>Nhịp tim không đều, ngứa ran khắp người, co thắt cơ, giảm lượng nước tiểu.</i>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA DOXORUBICIN

CHEMODOX Doxorubicin 2mg/ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
<p>Ngoài da: Sau hai hoặc ba chu kỳ, nổi các mụn sần đỏ ở lòng bàn tay – bàn chân, gây đau, thường tình trạng có thể được cải thiện sau một đến hai tuần; Khô da, phát ban.</p>	<p>Phòng ngừa cảm giác khó chịu lòng bàn tay – bàn chân: <i>Giữ bàn tay, bàn chân mát mẻ</i> tiếp xúc với nước mát (ngâm, tắm, hoặc bơi), tránh nóng/ nước nóng quá mức, không mang tất, găng tay hoặc giày dép quá chật.</p>
<p>Toàn thân: Nhiễm trùng, sốt, nhức đầu, ón lạnh, đau lưng, đau cơ xương khớp.</p>	<p>Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác. <i>Chườm khăn lạnh</i> nếu có nhức mỏi, đau cơ.</p>
<p>Máu: Thiếu máu gây suy nhược, mệt mỏi.</p>	<p>Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i></p>
<p>Đường tiêu hóa: Viêm miệng, viêm họng, chán ăn, buồn nôn, nôn, tiêu chảy, táo bón.</p>	<p>Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn: <i>Giữ vệ sinh các nhân</i> rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người. <i>Kiểm tra nhiệt độ cơ thể</i> khi cảm thấy không khỏe. <i>Uống nhiều nước</i> trừ khi có hướng dẫn khác.</p>
	<p>Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Cảm giác ón lạnh đột ngột, run rẩy, tiêu chảy.+ Nổi mẩn ngứa (phát ban) có thể có bong tróc da nghiêm trọng.+ Sưng lưỡi hoặc sưng mặt, có thể kèm theo sốt, ón lạnh.+ Nhịp tim không đều, ngứa ran khắp người, co thắt cơ, giảm lượng nước tiểu.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA DOCETAXEL

DAXOTEL

Docetaxel 80mg/4ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Đường tiêu hoá: Viêm miệng, chán ăn, tiêu chảy, buồn nôn, nôn.	Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng: <i>Giữ vệ sinh các nhân</i> rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người. <i>Kiểm tra nhiệt độ cơ thể</i> khi cảm thấy không khỏe <i>Uống nhiều nước</i> trừ khi có hướng dẫn khác.
Toàn thân: Nhiễm trùng do giảm bạch cầu, gây sốt, ớn lạnh, khó thở, đau lưng, đau cơ.	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Da, tóc: Nổi ban đỏ ở bàn tay, bàn chân, mặt hoặc ngực, có thể kèm theo ngứa, rụng tóc.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng</i> sử dụng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa, dùng dầu gội dịu nhẹ và không nên nhuộm, tẩy tóc vì hóa chất có thể gây tổn thương da đầu. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.
	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao.</i> + <i>Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mặt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.</i> + <i>Giảm đi tiểu hoặc có máu trong nước tiểu</i>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA DOXORUBICIN

DOXORUBICIN BIDIPHAR 10

DOXORUBICIN BIDIPHAR 50

Doxorubicin HCl

10mg/5ml – 50mg/25ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
<i>Ngoài da:</i> Rụng tóc, ngứa, đau tại chỗ tiêm.	<i>Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn:</i> <i>Giữ vệ sinh các nhân</i> rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người. <i>Kiểm tra nhiệt độ cơ thể</i> khi cảm thấy không khỏe. <i>Uống nhiều nước</i> trừ khi có hướng dẫn khác.
<i>Toàn thân:</i> Nhiễm trùng, sốt, nhức đầu, ón lạnh, đau lưng, đau cơ xương khớp.	<i>Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:</i> <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác. <i>Chườm khăn lạnh</i> nếu có nhức mỏi, đau cơ.
<i>Máu:</i> Thiếu máu gây suy nhược, mệt mỏi.	<i>Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy:</i> <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
<i>Đường tiêu hóa:</i> Buồn nôn, nôn, viêm miệng, chán ăn, tiêu chảy.	<i>Kiểm soát tình trạng rụng tóc:</i> <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i>
	<i>Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:</i> + <i>Cảm giác ón lạnh đột ngột, run rẩy, tiêu chảy.</i> + <i>Nổi mẩn ngứa (phát ban) có thể có bong tróc da nghiêm trọng.</i> + <i>Sưng lưỡi hoặc sưng mắt, có thể kèm theo sốt, ón lạnh.</i> + <i>Nhịp tim không đều, ngứa ran khắp người, co thắt cơ, giảm lượng nước tiểu.</i>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA DOCETAXEL

DOXORUBICIN “EBEWE”

Doxorubicin

10mg/5ml – 50mg/25ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
<p>Ngoài da: Rụng tóc, nổi ban đỏ, ngứa, phát ban.</p>	<p>Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày:</i> Đi bộ ngắn, thực hiện các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý:</i> Trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung. Ăn thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua... Uống nhiều nước, trừ khi bác sĩ có hướng dẫn khác. <i>Chườm khăn lạnh</i> nếu có nhức mỏi, đau cơ.</p>
<p>Toàn thân: Sốt, đau nhức cơ.</p>	<p>Phòng ngừa, giảm buồn nôn, tiêu chảy: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa.</i> Ăn chậm, nhai, thực phẩm dễ tiêu hoá, tránh các món ăn cay nóng, thức ăn chiên dầu mỡ, béo. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh những nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ:</i> đọc, nghe nhạc, thư giãn,... nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn mà ngồi hoặc tựa đầu cao.</p>
<p>Máu: Thiếu máu gây suy nhược, mệt mỏi.</p>	<p>Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn: <i>Giữ vệ sinh các nhân.</i> Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc với những người có triệu chứng sốt, ho, cảm lạnh,... Tránh tiếp xúc nơi đông người.</p>
<p>Đường tiêu hóa: Buồn nôn, chán ăn, đau quặn bụng, tiêu chảy. Viêm dạ dày, viêm thực quản thường xảy ra từ 5 - 10 ngày.</p>	<p>Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe hoặc thông báo cho nhân viên y tế. <i>Uống nhiều nước</i> trừ khi bác sĩ có hướng dẫn khác.</p>
<p>Đường tiết niệu: Nước tiểu có màu đỏ khi bắt đầu điều trị nhưng sẽ trở lại bình thường sau 48 giờ.</p>	<p>Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng:</i> sử dụng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa, dùng dầu gội dịu nhẹ và không nên nhuộm, tẩy tóc vì hóa chất có thể gây tổn thương da đầu. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i></p>
	<p>Liên hệ với bác sĩ điều trị hay nhân viên y tế ngay lập tức nếu có bất kỳ triệu chứng nào sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Cảm giác sưng, đau tại chỗ tiêm.+ Cảm giác ớn lạnh đột ngột, run rẩy, tiêu chảy.+ Nổi mẩn ngứa (phát ban) có thể có bong tróc da nghiêm trọng.+ Sưng lưỡi hoặc sưng mặt, có thể kèm theo sốt, ớn lạnh.+ Nhịp tim không đều, ngứa ran khắp người, co thắt cơ, giảm lượng nước tiểu.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA DOCETAXEL

DOCETAXEL “EBEWE”

Docetaxel

80mg/8ml – 20mg/2ml

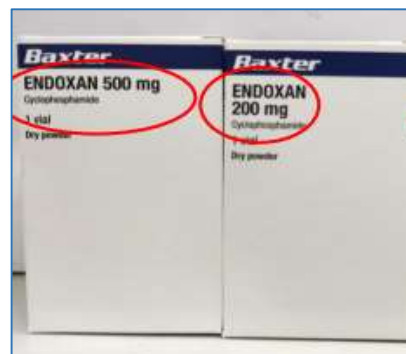
Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Đường tiêu hoá: Viêm miệng, chán ăn, tiêu chảy, buồn nôn, nôn.	Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng: <i>Giữ vệ sinh các nhân</i> rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người. <i>Kiểm tra nhiệt độ cơ thể</i> khi cảm thấy không khỏe <i>Uống nhiều nước</i> trừ khi có hướng dẫn khác.
Toàn thân: Nhiễm trùng do giảm bạch cầu, gây sốt, ớn lạnh, khó thở, đau lưng, đau cơ.	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Da, tóc: Nổi ban đỏ ở bàn tay, bàn chân, mặt hoặc ngực, có thể kèm theo ngứa, rụng tóc.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng</i> sử dụng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa, dùng dầu gội dịu nhẹ và không nên nhuộm, tẩy tóc vì hóa chất có thể gây tổn thương da đầu. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i>
	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao.</i> + <i>Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mặt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.</i> + <i>Giảm đi tiểu hoặc có máu trong nước tiểu</i>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA CYCLOPHOSPHAMIDE

ENDOXAN Cyclophosphamide 200mg/lọ - 500mg/lọ



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Thiếu máu: mệt mỏi, khó thở, choáng váng, đau đầu, tim đập nhanh, da nhợt nhạt.	Phòng ngừa thiếu máu, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Đường tiêu hoá: Chán ăn, viêm niêm mạc miệng, tiêu chảy, buồn nôn, nôn ói, táo bón.	Bảo vệ niêm mạc trong miệng <i>Ăn thức ăn mềm</i> tránh các loại thức ăn khô (hạt, bánh quy giòn, khoai tây chiên,...). <i>Làm sạch răng và nướu</i> bằng bàn chải mềm hoặc tăm bông. Không sử dụng chỉ nha khoa, bàn chải điện hoặc tăm xỉa răng.
Đường tiểu: Viêm bàng quang, tiểu ra máu.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
Sinh sản: Mất kinh tạm thời hoặc vĩnh viễn. Ở nam giới, giảm số lượng tinh trùng có thể xảy ra.	Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng: <i>Giữ vệ sinh cá nhân</i> rửa tay trước và sau khi ăn, đi vệ sinh, vệ sinh răng miệng đúng cách, giữ móng tay, chân sạch sẽ; đi tiêu, tiểu dùng khăn mềm lau từ trước ra sau;... <i>Tránh tiếp xúc</i> người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, nơi đông người. <i>Đảm bảo ăn chín uống sôi, nghỉ ngơi từ 6 – 8 tiếng/ngày.</i>
Ngoài da: Nổi ban da, đỏ bừng mặt, nổi mề đay, rụng tóc lông, vàng da.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> dùng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i> Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao.</i> + <i>Nôn ra máu, chóng mặt, đi tiểu ít hoặc nước tiểu sậm màu; cảm giác khó thở, đánh trống ngực, ho trầm trọng; sưng mắt cá chân.</i>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA ETOPOSID

ETOPOSID BIDIPHAR

Etoposid 100mg/5ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Giảm bạch cầu gây; giảm tiểu cầu gây.

Toàn thân:

Mệt mỏi, khó chịu, chóng mặt, buồn ngủ, suy nhược.

Đường tiêu hóa:

Đau bụng, táo bón, buồn nôn, nôn, chán ăn, viêm miệng, viêm thực quản, tiêu chảy.

Ngoài da:

Rụng tóc có hồi phục, phát ban, nổi mề đay, ngứa.

Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Chườm khăn lạnh nếu có nhức mỏi, đau cơ.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn:

Giữ vệ sinh các nhân rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người.

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe

Uống nhiều nước trừ khi có hướng dẫn khác.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ Cảm giác ớn lạnh đột ngột, run rẩy, tiêu chảy.

+ Nổi mẩn ngứa (phát ban) có thể có bong tróc da nghiêm trọng.

+ Sưng lưỡi hoặc sưng mặt, có thể kèm theo sốt, ớn lạnh.

+ Nhịp tim không đều, ngứa ran khắp người, co thắt cơ, giảm lượng nước tiểu.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA TOPOTECAN

FIROTEX

Topotecan HCl 4mg

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây suy nhược.

Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định.

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, viêm niêm mạc, kém ăn.

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Toàn thân:

Sốt, phù mạch, mệt mỏi, khó chịu.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Da:

Rụng tóc, phát ban, nổi mề đay, ngứa.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng rụng tóc

Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu.

Bảo vệ và chăm sóc da đầu dùng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài.

Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ **Khó thở, phù mạch, nổi mề đay toàn thân.**

+ **Xuất hiện dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như nhiệt độ cơ thể tăng cao.**

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA GEMCITABINE

GEMCITABINE “Ebewe”

Gemcitabine 10mg/ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, đôi khi choáng váng, nhịp tim nhanh và/ hoặc da nhợt nhạt.

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn, nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, chán ăn.

Da:

Nổi ban đỏ, ngứa, phù.

Toàn thân:

Nhiễm khuẩn, sốt, nhức đầu, ớn lạnh, đau lưng, đau cơ, suy nhược.

Kiểm soát tình trạng thiếu máu:

Tiết kiệm năng lượng chỉ làm việc quan trọng nhất mỗi ngày, yêu cầu sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết.

Cân bằng nghỉ ngơi với hoạt động.

Ăn uống thực phẩm giàu đạm hoặc chất sắt (tham khảo ý kiến chuyên gia).

Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Chườm khăn lạnh nếu có nhức mỏi, đau cơ.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn:

Giữ vệ sinh các nhân rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người.

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe

Uống nhiều nước trừ khi có hướng dẫn khác.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ **Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao trên 38 độ.**

+ **Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mắt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.**

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA GEMCITABINE

GEMITA

Gemcitabine 200mg – 1g

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, đôi khi choáng váng, nhịp tim nhanh và/ hoặc da nhợt nhạt.

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn, nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, chán ăn.

Da:

Nổi ban đỏ, ngứa, phù.

Toàn thân:

Nhiễm khuẩn, sốt, nhức đầu, ớn lạnh, đau lưng, đau cơ, suy nhược.

Kiểm soát tình trạng thiếu máu:

Tiết kiệm năng lượng chỉ làm việc quan trọng nhất mỗi ngày, yêu cầu sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết.

Cân bằng nghỉ ngơi với hoạt động.

Ăn uống thực phẩm giàu đạm hoặc chất sắt (tham khảo ý kiến chuyên gia).

Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Chườm khăn lạnh nếu có nhức mỏi, đau cơ.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn:

Giữ vệ sinh các nhân rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người.

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe

Uống nhiều nước trừ khi có hướng dẫn khác.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ **Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao trên 38 độ.**

+ **Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mắt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.**

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA GEMCITABINE

GEMNIL

Gemcitabine 200mg



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, đôi khi choáng váng, nhịp tim nhanh và/ hoặc da nhợt nhạt.

Kiểm soát tình trạng thiếu máu:

Tiết kiệm năng lượng chỉ làm việc quan trọng nhất mỗi ngày, yêu cầu sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết.

Cân bằng nghỉ ngơi với hoạt động.

Ăn uống thực phẩm giàu đạm hoặc chất sắt (tham khảo ý kiến chuyên gia).

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn, nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, chán ăn.

Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Chườm khăn lạnh nếu có nhức mỏi, đau cơ.

Da:

Nổi ban đỏ, ngứa, phù.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón:

Toàn thân:

Nhiễm khuẩn, sốt, nhức đầu, ớn lạnh, đau lưng, đau cơ, suy nhược.

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hoá ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn:

Giữ vệ sinh các nhân rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người.

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe.

Uống nhiều nước trừ khi có hướng dẫn khác.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

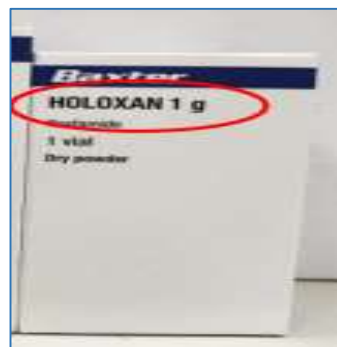
+ *Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao trên 38 độ.*

+ *Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mắt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.*

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA IFOSFAMIDE

HOLOXAN 1G

Ifosfamide 1g



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Đường tiết niệu: Tiểu khó, tiểu ra máu, tiểu gắt buốt.	Phòng ngừa các vấn đề đường tiết niệu: Uống nhiều nước: trường hợp không bị hạn chế dịch nên uống nhiều nước để nước tiểu có màu vàng nhạt hoặc trong, tránh sử dụng: caffein, đồ uống có cồn, thức ăn cay và thuốc lá. Ngăn ngừa nhiễm trùng đường tiết niệu: đi vệ sinh thường xuyên, mặc đồ lót bằng vải cotton và quần rộng rãi, tắm vòi sen thay vì tắm.
Thần kinh: Ngủ gà, lú lẫn, ảo giác, giảm thị lực, chóng mặt, trầm cảm, co giật, rối loạn vận động, cứng hàm, co cứng cơ mặt.	Phòng ngừa các triệu chứng trên thần kinh Ngăn ngừa té ngã: nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt. Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga
Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, chán ăn, táo bón, tiêu chảy, tiết nước bọt.	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung
Máu: Thiếu máu gây suy nhược.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. Không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi. Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.
Toàn thân: Mệt mỏi, khó chịu, sốt.	Phòng ngừa chảy máu: Giảm tổn thương gây chảy máu bảo vệ da, kiểm tra mỗi ngày, dưỡng ẩm, không để khô, bong tróc, chảy máu, không đi chân trần, tránh sử dụng các dụng cụ sắt nhọn, tránh va đập. Chăm sóc vết thương chảy máu hoặc bầm tím ấn chặt vùng chảy máu bằng vải sạch, tiếp tục đến khi máu ngừng chảy. Chườm đá lên vùng bầm tím.
Da: Rụng tóc, viêm da, tăng sắc tố da, chậm lành vết thương.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị. Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + Xuất hiện dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như nhiệt độ cơ thể tăng cao, viêm bàng quang chảy máu, tiểu ra máu. Các triệu chứng hệ thần kinh bị nhiễm độc như: ngủ gà, lú lẫn, ảo giác, hôn mê

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA IFOSFAMIDE

IFOSFAMID BIDIPHAR 1G

Ifosfamide 1g



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
<p>Đường tiết niệu: Tiểu khó, tiểu ra máu, tiểu gắt buốt.</p> <p>Thần kinh: Ngủ gà, lú lẫn, ảo giác, giảm thị lực, chóng mặt, trầm cảm, co giật, rối loạn vận động, cứng hàm, co cứng cơ mặt.</p> <p>Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, chán ăn, táo bón, tiêu chảy, tiết nước bọt.</p> <p>Máu: Thiếu máu gây suy nhược.</p> <p>Toàn thân: Mệt mỏi, khó chịu, sốt.</p> <p>Da: Rụng tóc, viêm da, tăng sắc tố da, chậm lành vết thương.</p>	<p>Phòng ngừa các vấn đề đường tiết niệu: Uống nhiều nước: trường hợp không bị hạn chế dịch nên uống nhiều nước để nước tiểu có màu vàng nhạt hoặc trong, tránh sử dụng: caffein, đồ uống có cồn, thức ăn cay và thuốc lá. Ngăn ngừa nhiễm trùng đường tiết niệu: đi vệ sinh thường xuyên, mặc đồ lót bằng vải cotton và quần rộng rãi, tắm vòi sen thay vì tắm.</p> <p>Phòng ngừa các triệu chứng trên thần kinh Ngăn ngừa té ngã: nhờ người giúp đỡ khi đi chuyên, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt. Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga</p> <p>Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung</p> <p>Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. Không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi. Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.</p> <p>Phòng ngừa chảy máu: Giảm tổn thương gây chảy máu bảo vệ da, kiểm tra mỗi ngày, dưỡng ẩm, không để khô, bong tróc, chảy máu, không đi chân trần, tránh sử dụng các dụng cụ sắt nhọn, tránh va đập. Chăm sóc vết thương chảy máu hoặc bầm tím ấn chặt vùng chảy máu bằng vải sạch, tiếp tục đến khi máu ngừng chảy. Chườm đá lên vùng bầm tím.</p> <p>Kiểm soát tình trạng rụng tóc: Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</p> <p>Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + Xuất hiện dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như nhiệt độ cơ thể tăng cao, viêm bàng quang chảy máu, tiểu ra máu. Các triệu chứng hệ thần kinh bị nhiễm độc như: ngủ gà, lú lẫn, ảo giác, hôn mê</p>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA PACLITAXEL

INTAXEL Paclitaxel 30mg/5ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Thiếu máu gây suy nhược	Phòng ngừa các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi: Ngăn ngừa té ngã: nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, trải thảm trong nhà vệ sinh để tránh trơn trượt, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt. Lưu ý các hoạt động tại nhà bếp: tránh bị bỏng, cẩn thận khi dùng dao và các vật sắc nhọn.
Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, kém ăn	Chăm sóc bàn tay, bàn chân: mang giày đế mềm, thường xuyên kiểm tra cánh tay, chân và bàn chân xem có vết cắt hoặc vết trầy xước, mặc quần áo đủ ấm khi trời lạnh. Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga được khuyến dùng
Toàn thân: Hạ huyết áp, khó thở, sung huyết, phù, nề đầy toàn thân	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: Hoạt động mỗi ngày: Đi bộ ngắn, thực hiện các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định Chế độ ăn hợp lý: Trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung. Ăn thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua... Uống nhiều nước, trừ khi bác sĩ có hướng dẫn khác.
Thần kinh: Có các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi như bỏng rát, đau buốt, nhức nhối, khó ngủ vì mỗi chân, đau chân, mất thăng bằng, đổ mồ hôi bất thường, da khô, xanh nhạt	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón, kém ăn: Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa. Ăn chậm, ăn thực phẩm dễ tiêu hóa, tránh các món ăn cay nóng, không ăn thức ăn béo, chiên dầu mỡ. Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh những nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. Hoạt động nhẹ: đọc, nghe nhạc, thư giãn,... nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn mà ngồi hoặc dựa đầu lên cao. Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.
Da: Rụng tóc, nóng rát hoặc tê bì, ban đỏ ngứa và sưng phồng nơi tiêm, da có thể bị bong tróc, lột da và biến màu	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng: sử dụng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc vì có thể làm tổn thương da đầu.
Cơ – xương: Đau cơ, đau khớp	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây : + Nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu. Không thể uống đủ nước do nôn. + Sốt cao, ón lạnh, đau bụng dai dẳng hoặc nghiêm trọng, táo bón nặng, ói. + Ban da nặng, lan rộng, phỏng rộp và gây đau.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA CISPLATIN

KUPUNISTIN

Cisplatin 50mg/50ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải:

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Thiếu máu: mệt mỏi, khó thở, choáng váng, đau đầu, tim đập nhanh, da nhợt nhạt.	Phòng ngừa thiếu máu, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung. Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Mắt: Giảm tầm nhìn của mắt có phục hồi sau khi ngưng thuốc.	Phòng ngừa nguy cơ chảy máu: <i>Bảo vệ da tránh tổn thương</i> theo dõi các vết bầm tím trên da. Tránh sử dụng các dụng cụ sắc nhọn: dao, kéo, kim,..., tránh mặc quần áo bó sát hoặc vải thô, không đi chân trần. <i>Bảo vệ niêm mạc trong miệng</i> ăn thức ăn mềm, sử dụng kem dưỡng ẩm cho môi, đánh răng nhẹ nhàng bằng bàn chải đánh răng mềm hoặc tăm bông.
Tai: Ù tai, giảm thính lực, đau tạm thời một bên tai, có thể không được phục hồi sau khi ngừng thuốc.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
Đường tiêu hoá: Buồn nôn, nôn, tiêu chảy, chán ăn, táo bón, viêm miệng.	Giảm tình trạng chàm kích ngón tay, chân: <i>Xoa bóp nhẹ nhàng ngón tay, chân để</i> lưu thông máu, kích thích thần kinh. Mang giày và tất phù hợp với kích thước chân, phòng té ngã. Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc một cách nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> dùng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i>
Ngoài da: Nổi ban da.	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Chảy máu hoặc xuất hiện vết bầm bất thường, khó cầm máu vết thương; nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Đau đầu nặng, yếu người hoặc lú lẫn.</i> + <i>Dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao, lạnh, đổ mồ hôi nhiều hoặc cảm thấy mệt mỏi hơn bình thường.</i> + <i>Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu.</i>
Thần kinh: Ngứa, chàm kích tay chân, rung giật, chuột rút, co giật, mất vị giác.	
Khác: Rụng tóc, nấc, đau cơ, sốt.	

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA METHOTREXAT

METHOTREXAT

Methotrexat 50mg/2ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Thiếu máu gây suy nhược.	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định. <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...).
Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, chán ăn, táo bón, viêm miệng, đau dạ dày.	Phòng ngừa các vấn đề đường tiết niệu: <i>Uống nhiều nước:</i> trường hợp không bị hạn chế dịch nên uống nhiều nước để nước tiểu có màu vàng nhạt hoặc trong, tránh sử dụng: caffein, đồ uống có cồn, thức ăn cay và thuốc lá. <i>Ngăn ngừa nhiễm trùng đường tiết niệu:</i> đi vệ sinh thường xuyên, mặc đồ lót bằng vải cotton và quần rộng rãi, tắm vòi sen thay vì tắm bồn.
Thần kinh: Động kinh, co giật. Đau đầu, chóng mặt.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. Không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i> <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.
Toàn thân: Dị ứng, sốt.	Phòng ngừa các triệu chứng trên thần kinh <i>Ngăn ngừa té ngã:</i> nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, trải thảm trong nhà vệ sinh để tránh trơn trượt, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt.
Da: Rụng tóc, ban đỏ, ngứa, nổi mề đay, mẫn cảm ánh sáng, tăng sắc tố da.	Chăm sóc da, niêm: <i>Giảm tổn thương gây chảy máu</i> bảo vệ da, kiểm tra mỗi ngày, dưỡng ẩm, không để khô, bong tróc, chảy máu, không đi chân trần, tránh sử dụng các dụng cụ sắt nhọn như kéo, dao hoặc kim gây chấn thương, va đập. Sử dụng đồ chải răng mềm, tránh tổn thương niêm mạc miệng. Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i>
Cơ xương: Loãng xương.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i>
Đường hô hấp: Ho khan đột ngột hoặc kéo dài, khó thở, đau ngực.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i>
Mắt: Viêm kết mạc.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. <i>Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</i>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA METHOTREXAT

METHOTREXAT “EBEWE”

Methotrexat 500mg/5ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
<p>Máu: Thiếu máu gây suy nhược.</p>	<p>Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định.</p>
<p>Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, chán ăn, táo bón, viêm miệng, đau dạ dày.</p>	<p>Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...).</p>
<p>Đường tiết niệu: Tiểu khó, tiểu ra máu, tiểu gắt buốt.</p>	<p>Phòng ngừa các vấn đề đường tiết niệu: <i>Uống nhiều nước:</i> trường hợp không bị hạn chế dịch nên uống nhiều nước để nước tiểu có màu vàng nhạt hoặc trong, tránh sử dụng: caffeine, đồ uống có cồn, thức ăn cay và thuốc lá. <i>Ngăn ngừa nhiễm trùng đường tiết niệu:</i> đi vệ sinh thường xuyên, mặc đồ lót bằng vải cotton và quần rộng rãi, tắm vòi sen thay vì tắm bồn.</p>
<p>Thần kinh: Động kinh, co giật. Đau đầu, chóng mặt.</p>	<p>Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. Không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.</p>
<p>Toàn thân: Dị ứng, sốt.</p>	<p><i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i> <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.</p>
<p>Da: Rụng tóc, ban đỏ, ngứa, nổi mề đay, mẫn cảm ánh sáng, tăng sắc tố da.</p>	<p>Phòng ngừa các triệu chứng trên thân kinh <i>Ngăn ngừa té ngã:</i> nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, trải thảm trong nhà vệ sinh để tránh trơn trượt, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt.</p>
<p>Cơ xương: Loãng xương.</p>	<p>Chăm sóc da, niêm: <i>Giảm tổn thương gây chảy máu</i> bảo vệ da, kiểm tra mỗi ngày, dưỡng ẩm, không để khô, bong tróc, chảy máu, không đi chân trần, tránh sử dụng các dụng cụ sắt nhọn như kéo, dao hoặc kim gây chấn thương, va đập. Sử dụng đồ chải răng mềm, tránh tổn thương niêm mạc miệng.</p>
<p>Đường hô hấp: Ho khan đột ngột hoặc kéo dài, khó thở, đau ngực.</p>	<p>Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</p>
<p>Mắt: Viêm kết mạc.</p>	<p>Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Xuất hiện dấu hiệu như sốt, ho, đau ngực, khó thở, phản ứng trên da nghiêm trọng như ban đỏ trên da, da bong tróc, sung huyết kết mạc</i></p>

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA BEVACIZUMAB

MVASI

Bevacizumab

100mg/4ml – 400mg/16ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Hệ thần kinh:

Loạn vị giác, đau đầu, khó chịu, buồn ngủ, ngất.

Mắt:

Tăng chảy nước mắt.

Đường thở:

Khó thở. Chảy máu cam, viêm mũi.

Đường tiêu hóa:

Tiêu chảy, táo bón, buồn nôn, nôn, viêm miệng, chảy máu đường tiêu hóa.

Da :

Viêm da tróc vảy. Da khô, đổi màu da.

Toàn thân, vị trí tiêm thuốc :

Sốt, suy nhược. Đau nơi tiêm.

Bảo vệ làn da của bạn

Sử dụng xà phòng dịu nhẹ với làn da.

Ngăn da bị khô và ngứa : sử dụng kem dưỡng ẩm cho da, tránh các sản phẩm có chứa cồn và hương liệu, tắm bằng nước ấm, có thể chườm khăn mát lên vùng da bị khô, ngứa.

Tránh tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp : sử dụng kem chống nắng, ngăn da bị cháy nắng bằng cách mặc áo dài tay, quần dài, mũ rộng vành.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Phòng ngừa nguy cơ nhiễm trùng

Giữ vệ sinh cá nhân : rửa tay trước và sau khi ăn, đi vệ sinh ; đánh răng bằng bàn chải mềm trước khi ngủ và sau khi ăn ; giữ móng tay, chân gọn gàng, sạch sẽ ; đi tiêu, tiểu dùng khăn mềm lau từ trước ra sau.

Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, nơi đông người.

Đảm bảo ăn chín uống sôi, nghỉ ngơi từ 6 – 8 tiếng/ngày.

Phòng ngừa tình trạng mệt mỏi, khó chịu

Uống nhiều nước mỗi ngày trừ khi có hướng dẫn khác của bác sĩ.

Cố gắng ăn nhiều bữa nhỏ hoặc đồ ăn nhẹ. Ăn thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua và sữa lactic để cung cấp thêm vitamin, khoáng chất, calo và protein.

Cố gắng hoạt động mỗi ngày : đi bộ ngắn, tập thể dục nhẹ nhàng, làm công việc nhà.

Luôn giữ tinh thần ổn định.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây :

+ *Nôn ói trầm trọng, nôn ra máu. Ít đi tiểu, nước tiểu sậm màu. Không thể uống đủ nước do nôn.*

+ *Sốt cao, ớn lạnh, đau bụng dai dẳng hoặc nghiêm trọng, táo bón nặng, ói.*

+ *Ban da nặng, lan rộng, phỏng rộp và gây đau.*

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA CARBOPLATIN

NAPROPLAT Carboplatin 10mg/ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
Máu: Xuất hiện các vết bầm tím, chảy máu, thiếu máu gây suy nhược, cảm giác chóng mặt, đau đầu, nhịp tim nhanh và/hoặc da nhợt nhạt.	Phòng ngừa chảy máu: <i>Giảm tổn thương gây chảy máu</i> bảo vệ da, kiểm tra mỗi ngày, dưỡng ẩm, không để khô, bong tróc, chảy máu, không đi chân trần, tránh sử dụng các dụng cụ sắc nhọn như kéo, dao hoặc kim gây chấn thương, va đập. Sử dụng đồ chải răng mềm, tránh tổn thương niêm mạc miệng. <i>Chăm sóc vết thương chảy máu hoặc bầm tím</i> ấn chặt vùng chảy máu bằng vải sạch, tiếp tục đến khi máu ngừng chảy. Chườm đá lên vùng bầm tím.
Đường tiêu hoá: Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, loét tiêu hóa do thuốc.	Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi: <i>Hoạt động mỗi ngày</i> đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định <i>Chế độ ăn hợp lý</i> trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.
Toàn thân: Mệt mỏi, suy nhược.	Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón: <i>Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa</i> ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. <i>Thở chậm, thở sâu</i> giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng. <i>Hoạt động nhẹ</i> nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. <i>Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.</i>
Thần kinh: Run, yếu cơ, mất vị giác, chuột rút, co giật. Cảm giác tê bì, khó chịu các đầu chi.	Kiểm soát tình trạng rụng tóc: <i>Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng</i> dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. <i>Bảo vệ và chăm sóc da đầu</i> sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.
Ngoài da: Khó chịu, nổi mề đay, ban đỏ da, ngứa. Chỗ tiêm đỏ, phồng, đau. Rụng tóc.	Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + <i>Xuất hiện vết bầm tím, chảy máu hoặc dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như đau họng, nhiệt độ cơ thể tăng cao.</i> + <i>Nổi mẩn ngứa (phát ban), sưng tay, chân, mắt cá chân, mặt, môi, miệng hoặc cổ họng (gây khó thở hoặc khó nuốt); cảm giác sắp ngất xỉu và có thể kèm theo cơn đau ngực.</i> + <i>Giảm đi tiểu hoặc có máu trong nước tiểu.</i>
Tai: Giảm thính lực, ù tai.	

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA PACLITAXEL

PACLITAXELUM ACTAVIS

Paclitaxel 260mg/43,33ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây suy nhược.

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, kém ăn.

Toàn thân:

Hạ huyết áp, khó thở, sung huyết, phù, nề đầy toàn thân.

Thần kinh:

Có các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi như bỏng rát, đau buốt, nhức nhối, khó ngủ vì mỏi chân, đau chân, mất thăng bằng, đồ mờ hôi bất thường, da khô, xanh nhạt.

Da:

Rụng tóc, nóng rát hoặc tê bì, ban đỏ ngứa và sưng phồng nơi tiêm, da có thể bị bong tróc, lột da và biến màu.

Cơ – xương:

Đau cơ, đau khớp.

Phòng ngừa các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi:

Ngăn ngừa té ngã: nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, trải thảm trong nhà vệ sinh để tránh trơn trượt, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt.

Lưu ý các hoạt động tại nhà bếp: tránh bị bỏng, cẩn thận khi dùng dao và các vật sắc nhọn.

Chăm sóc bàn tay, bàn chân: mang giày đế mềm, thường xuyên kiểm tra cánh tay, chân và bàn chân xem có vết cắt hoặc vết trầy xước, mặc quần áo đủ ấm khi trời lạnh.

Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga được khuyến khích dùng.

Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định.

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón, kém ăn:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng rụng tóc:

Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu.

Bảo vệ và chăm sóc da đầu sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài.

Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ **Khó thở, hạ huyết áp, phù mạch, nổi nề đầy toàn thân.**

+ **Xuất hiện dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như nhiệt độ cơ thể tăng cao.**

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA PACLITAXEL

PACLITAXEL “Ebewe” 30

PACLITAXEL “Ebewe” 100

Paclitaxel

30mg/5ml – 100mg/16,7ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Thiếu máu gây suy nhược.

Đường tiêu hoá:

Buồn nôn và nôn, đau bụng, tiêu chảy, táo bón, kém ăn.

Toàn thân:

Hạ huyết áp, khó thở, sung huyết, phù, nề đầy toàn thân.

Thần kinh:

Có các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi như bông rát, đau buốt, nhức nhối, khó ngủ vì mỗi chân, đau chân, mất thăng bằng, đồ mờ hồi bất thường, da khô, xanh nhạt.

Da:

Rụng tóc, nóng rát hoặc tê bì, ban đỏ ngứa và sưng phồng nơi tiêm, da có thể bị bong tróc, lột da và biến màu.

Cơ – xương:

Đau cơ, đau khớp.

Phòng ngừa các triệu chứng bệnh thần kinh ngoại vi:

Ngăn ngừa té ngã: không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt.

Lưu ý các hoạt động tại nhà bếp: tránh bị bỏng, cẩn thận khi dùng dao và các vật sắc nhọn.

Chăm sóc bàn tay, bàn chân: mang giày đế mềm, thường xuyên kiểm tra cánh tay, chân và bàn chân xem có vết cắt hoặc vết trầy xước, mặc quần áo đủ ấm khi trời lạnh.

Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga được khuyến dùng.

Phòng ngừa thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định.

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón, kém ăn:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng rụng tóc:

Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu.

Bảo vệ và chăm sóc da đầu sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài.

Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ Khó thở, hạ huyết áp, phù mạch, nổi nề đầy toàn thân.

+ Xuất hiện dấu hiệu nhiễm trùng bất thường như nhiệt độ cơ thể tăng cao.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA ETOPOSID

SINTOPOZID

Etoposid 100mg/5ml



Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP

HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA

Máu:

Giảm bạch cầu gây; giảm tiểu cầu gây.

Toàn thân:

Mệt mỏi, khó chịu, chóng mặt, buồn ngủ, suy nhược.

Đường tiêu hóa:

Đau bụng, táo bón, buồn nôn, nôn, chán ăn, viêm miệng, viêm thực quản, tiêu chảy.

Ngoài da:

Rụng tóc có hồi phục, phát ban, nổi mào đay, ngứa.

Phòng ngừa suy nhược, mệt mỏi, đau nhức:

Hoạt động mỗi ngày đi bộ ngắn, tập các bài tập nhẹ nhàng. Giữ tinh thần ổn định

Chế độ ăn hợp lý trao đổi thêm với bác sĩ về dinh dưỡng bổ sung (thực phẩm giàu protein như thịt, cá, phô mai, sữa chua...). Uống nhiều nước, trừ khi có hướng dẫn khác.

Chườm khăn lạnh nếu có nhức mỏi, đau cơ.

Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy:

Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ.

Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.

Hoạt động nhẹ nghe nhạc, thư giãn, nghỉ ngơi trước và sau bữa ăn, không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao.

Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi.

Kiểm soát tình trạng sốt, nhiễm khuẩn:

Giữ vệ sinh các nhân rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. Tránh tiếp xúc người đang có triệu chứng ho, cảm lạnh, tránh nơi đông người.

Kiểm tra nhiệt độ cơ thể khi cảm thấy không khỏe

Uống nhiều nước trừ khi có hướng dẫn khác.

Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây:

+ Cảm giác ón lạnh đột ngột, run rẩy, tiêu chảy.

+ Nổi mẩn ngứa (phát ban) có thể có bong tróc da nghiêm trọng.

+ Sưng lưỡi hoặc sưng mắt, có thể kèm theo sốt, ón lạnh.

+ Nhịp tim không đều, ngứa ran khắp người, co thắt cơ, giảm lượng nước tiểu.

TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP CỦA VINCRISTIN

VINCRAN

Vincristin sulfat 1mg/1ml

Ngoài các thông tin về nguy cơ, tác dụng phụ, biện pháp can thiệp liên quan đến hoá trị, tài liệu cung cấp thêm thông tin về tác dụng phụ của thuốc hoá trị bạn đang sử dụng và hướng xử trí khi gặp phải.



TÁC DỤNG PHỤ THƯỜNG GẶP	HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA
<p>Thần kinh: Lú lẫn, đau đầu, mất ngủ, vận động khó khăn, co giật.</p>	<p>Phòng ngừa các triệu chứng trên thần kinh Ngăn ngừa té ngã: nhờ người giúp đỡ khi di chuyển, không để các tấm thảm ở lối đi, đặt các thanh vịn trên tường và nhà vệ sinh để bám và giữ thăng bằng, trải thảm trong nhà vệ sinh để tránh trơn trượt, đứng dậy từ từ sau khi ngồi hoặc nằm và khi chóng mặt. Giảm đau: các phương pháp như châm cứu, xoa bóp, vật lý trị liệu, yoga</p>
<p>Cơ xương: Chuột rút, đau hàm, đau cơ, mỏi cơ, tê.</p>	<p>Phòng ngừa, giảm buồn nôn và nôn, tiêu chảy, táo bón Ăn nhiều bữa nhỏ để dễ tiêu hóa ăn chậm, thức ăn dễ tiêu hoá, tránh ăn món cay nóng, thức ăn béo, chiên dầu mỡ. Không nên nằm xuống ngay sau khi ăn, nên ngồi hoặc dựa đầu lên cao. Ngồi dậy khi nôn để tránh chất nôn xuống phổi. Thở chậm, thở sâu giúp giảm cảm giác buồn nôn, tránh nơi có mùi khó chịu, giữ không khí trong lành, thông thoáng.</p>
<p>Da: Rụng tóc, nổi mẩn, toát mồ hôi, tróc mảng da, các triệu chứng thoát mạch như nóng rát hoặc tê bì, ban đỏ nhẹ, ngứa và sưng phồng tại chỗ.</p>	<p>Chăm sóc da, niêm Không dùng bất kì thuốc nào ngoài các thuốc được chỉ định mà chưa có sự đồng ý của các bác sĩ điều trị. Giảm tổn thương gây chảy máu bảo vệ da, kiểm tra mỗi ngày, dưỡng ẩm, không để khô, bong tróc, chày máu, không đi chân trần, tránh sử dụng các dụng cụ sắc nhọn như kéo, dao hoặc kim gây chấn thương, va đập. Sử dụng đồ chải răng mềm, tránh tổn thương niêm mạc miệng.</p>
<p>Toàn thân: Phù, phát ban, sốt, loạn ngôn, sút cân.</p>	<p>Kiểm soát tình trạng rụng tóc Chăm sóc mái tóc nhẹ nhàng dùng lược chải tóc có lông mềm hoặc lược răng thưa. Không nên sử dụng máy sấy tóc tránh làm tổn thương da đầu. Bảo vệ và chăm sóc da đầu sử dụng kem chống nắng/ mũ khi ra ngoài. Tóc thường mọc lại sau 2 đến 3 tháng khi kết thúc hóa trị.</p>
<p>Máu: Thiếu máu.</p>	<p>Phòng ngừa các vấn đề đường tiết niệu Uống nhiều nước: trường hợp không bị hạn chế dịch nên uống nhiều nước để nước tiểu có màu vàng nhạt hoặc trong, tránh sử dụng: caffeine, đồ uống có cồn, thức ăn cay và thuốc lá. Ngăn ngừa nhiễm trùng đường tiết niệu: đi vệ sinh thường xuyên, mặc đồ lót bằng vải cotton và quần rộng rãi, tắm vòi sen thay vì tắm bồn và hỏi ý bác sĩ trước khi sử dụng các sản phẩm như kem hoặc nước thơm gần vùng sinh dục.</p>
<p>Tim mạch: Các triệu chứng tăng hoặc hạ huyết áp thể đứng như tầm nhìn bị giảm xuống, nhìn mờ các sự vật xung quanh, ngất xỉu, buồn nôn.</p>	<p>Cần liên hệ ngay nhân viên y tế khi có 01 trong các dấu hiệu cảnh báo sau đây: + Xuất hiện triệu chứng đau nhiều, vận động khó khăn, co giật, các triệu chứng tăng huyết áp.</p>
<p>Đường tiêu hoá: Đau bụng, kém ăn, chướng bụng, táo bón, tiêu chảy, miệng có vị kim loại, loét miệng, viêm miệng, nôn.</p>	
<p>Đường tiết niệu: Tiểu khó, tiểu nhiều.</p>	
<p>Đường hô hấp: Khó thở.</p>	
<p>Mắt: Sợ ánh sáng.</p>	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tin kê toa sản phẩm
2. Dược thư quốc gia 2018
3. Quyết định 3809/QĐ-BYT ngày 27/8/2019 “Hướng dẫn thực hành DLS cho DS trong một số bệnh không lây nhiễm”
4. *National cancer institute*, Side Effects of Cancer Treatment.
<https://www.cancer.gov/about-cancer/treatment/side-effects>